

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ  
**SỞ TƯ PHÁP**

Số: 469/STP-KSTTHC

V/v trình Đề án quy định mức chi  
bảo đảm cho hoạt động kiểm soát  
TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 3 tháng 7 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Công văn số 2807/UBND-NC ngày 28/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Đề án quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Sở Tư pháp đã xây dựng xong dự thảo Đề án, dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị *(Xin gửi kèm)*.

Sở Tư pháp kính gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 5, khóa VII./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KSTTHC.

KT, GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Kỳ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: /ĐA-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Trị, ngày tháng năm 2017*

**DỰ THẢO**

**ĐỀ ÁN**

**Về quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính  
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**I. Sự cần thiết xây dựng Đề án**

Có thể thấy rằng, trong đời sống xã hội, thủ tục hành chính là phương tiện để nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước, bảo đảm thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức. Trong những năm qua, Chính phủ và các cấp chính quyền đã chỉ đạo quyết liệt công tác cải cách thủ tục hành chính, qua đó từng bước nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy kinh tế phát triển. Ngày 10/01/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010 (gọi tắt là Đề án 30). Việc triển khai thành công Đề án 30 bước đầu đã đặt nền móng cho sự thống nhất, đồng bộ, đơn giản, công khai, minh bạch của thủ tục hành chính; tạo sự thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính; đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp của bộ máy hành chính và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; góp phần phòng chống tham nhũng, lãng phí; tạo điều kiện cho nhân dân giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính tại các cơ quan hành chính các cấp; tăng cường nhận thức, tham gia tích cực của công dân, doanh nghiệp vào công cuộc cải cách hành chính nói chung và thủ tục hành chính nói riêng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, qua triển khai Đề án 30 vẫn bộc lộ những khiếm khuyết, bất cập của thủ tục hành chính hiện hành, đặc biệt là vấn đề chất lượng của các quy định cũng như quá trình tổ chức thực hiện. Chính vì vậy, để đảm bảo duy trì kết quả đạt được, trên cơ sở kinh nghiệm triển khai Đề án 30, ngày 08/06/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây gọi là Nghị định số 63/2010/NĐ-CP), qua đó thiết lập một cơ chế kiểm soát chặt chẽ thủ tục hành chính từ khâu ban hành đến suốt quá trình tổ chức thực hiện, bảo đảm thủ tục hành chính được thực hiện nghiêm trên thực tế.

Để đảm bảo cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính được thực hiện một cách thuận lợi, ngày 31/12/2010 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 224/2010/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính. Việc triển khai thực hiện Thông tư số 224/2010/TT-

BTC trên địa bàn tỉnh đã tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan, đơn vị trong việc, lập, chấp hành và thanh quyết toán với ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, đến nay, một số nội dung chi, mức chi trong việc thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính không còn phù hợp với yêu cầu, tính chất công việc và điều kiện thực tế của địa phương. Ngày 10/10/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 167/2012/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính. Vì vậy, để cụ thể hóa và triển khai các quy định tại Thông tư số 167/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

## **II. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ Về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định số Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

## **III. Nội dung Đề án**

### **I. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

#### *a) Phạm vi áp dụng*

- Các quy định tại Đề án này được áp dụng đối với các hoạt động kiểm soát việc quy định, thực hiện, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

- Không áp dụng đối với:

+ Các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức;

+ Hoạt động kiểm soát thủ tục xử lý vi phạm hành chính; thủ tục thanh tra và thủ tục hành chính có nội dung bí mật nhà nước.

*b) Đối tượng áp dụng*

- Cán bộ, công chức làm công tác Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các cấp khi thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính.

**2. Nội dung chi và mức chi đối với hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính**

*(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).*

**3. Nguồn kinh phí thực hiện**

- Kinh phí chi cho công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và được bố trí trong dự toán của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Ngoài kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm, các cơ quan, đơn vị được huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp khác để tăng cường thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý.

Trên đây là Đề án về quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban pháp chế, Ban KTNS – HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, TM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC**  
**MỨC CHI BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

(Kèm theo Đề án số        /ĐA-UBND ngày    /    /2017 của UBND tỉnh)

| STT      | NỘI DUNG CHI                                                                                            | ĐƠN VỊ TÍNH                | MỨC CHI THEO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH                 | MỨC ĐỀ NGHỊ | GHI CHÚ                                                                                                                                        |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Chi cập nhật, công bố, công khai, kiểm soát chất lượng và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC</b> |                            |                                                |             |                                                                                                                                                |
| a        | Chi cập nhật TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia, CSDL của tỉnh về TTHC (tạo trang siêu văn bản đơn giản).  | đồng/trang tài liệu gốc A4 | 12.000 đồng                                    | 12.000 đồng | Khoản 2, Điều 4, Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính                                                                  |
| b        | Chi công bố, công khai, kiểm soát chất lượng thủ tục hành chính                                         | đồng/thủ tục               | Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp | 20.000 đồng | Thông tư 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ Tài chính                                                                                      |
| <b>2</b> | <b>Chi cho ý kiến đối với TTHC quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật</b>                    |                            |                                                |             | Thực hiện theo quy định về mức chi bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh |
| <b>3</b> | <b>Chi cho các hoạt động rà soát độc lập các quy định về thủ tục hành chính</b>                         |                            |                                                |             |                                                                                                                                                |
| a        | Chi lập mẫu                                                                                             |                            |                                                |             | Khoản 2, Phụ lục kèm theo                                                                                                                      |

|   |                                                                                                                                                       |                           |               |               |                                                                               |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|
|   | phiếu rà soát                                                                                                                                         |                           |               |               | Thông tư số 58/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính                                   |
| - | Đến 30 chỉ tiêu                                                                                                                                       | đồng/phiếu mẫu được duyệt | 750.000đồng   | 600.000đồng   |                                                                               |
| - | Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu                                                                                                                      | đồng/phiếu mẫu được duyệt | 1.000.000đồng | 750.000đồng   |                                                                               |
| - | Trên 40 chỉ tiêu                                                                                                                                      | đồng/phiếu mẫu được duyệt | 1.500.000đồng | 1.000.000đồng |                                                                               |
| b | Chi điền mẫu phiếu rà soát                                                                                                                            |                           |               |               | Điểm d, Khoản 8, Phụ lục kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính |
| - | Cá nhân:                                                                                                                                              |                           |               |               |                                                                               |
|   | Dưới 30 chỉ tiêu                                                                                                                                      | đồng/phiếu mẫu            | 30.000 đồng   | 25.000 đồng   |                                                                               |
|   | Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu                                                                                                                      | đồng/phiếu mẫu            | 40.000 đồng   | 35.000 đồng   |                                                                               |
|   | Trên 40 chỉ tiêu                                                                                                                                      | đồng/phiếu mẫu            | 50.000 đồng   | 45.000 đồng   |                                                                               |
| - | Tổ chức:                                                                                                                                              |                           |               |               |                                                                               |
|   | Dưới 30 chỉ tiêu                                                                                                                                      | đồng/phiếu mẫu            | 70.000 đồng   | 60.000 đồng   |                                                                               |
|   | Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu                                                                                                                      | đồng/phiếu mẫu            | 85.000 đồng   | 70.000 đồng   |                                                                               |
|   | Trên 40 chỉ tiêu                                                                                                                                      | đồng/phiếu mẫu            | 100.000đồng   | 80.000 đồng   |                                                                               |
| 4 | <b>Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến đối với các quy định về thủ tục hành chính, các phương án đơn giản hóa TTHC.</b> |                           |               |               | Khoản 4, Phụ lục kèm theo Thông tư                                            |

|          |                                                                                                                          |                  |                          |               |                                                                                |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|          |                                                                                                                          |                  |                          |               | 167/2012/TT-BTC                                                                |
| a        | Người chủ trì cuộc họp                                                                                                   | đồng/người/buổi  | 150.000đồng              | 150.000đồng   |                                                                                |
| b        | Các thành viên tham dự họp                                                                                               | đồng/người/buổi  | 100.000 đồng             | 100.000 đồng  |                                                                                |
| <b>5</b> | <b>Chi thuê chuyên gia tư vấn chuyên ngành, lĩnh vực</b>                                                                 |                  |                          |               | Khoản 5, Phụ lục kèm theo Thông tư 167/TT-BTC                                  |
| a        | Thuê theo tháng                                                                                                          | đồng/người/tháng | 7.000.000 đồng           | 6.000.000đồng |                                                                                |
| b        | Thuê chuyên gia lấy ý kiến theo văn bản                                                                                  | đồng/văn bản     | 300.000-600.000đồng      | 400.000đồng   |                                                                                |
| <b>6</b> | <b>Báo cáo kết quả rà soát, báo cáo đột xuất, đánh giá theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực</b>                          | đồng/ báo cáo    | 500.000 - 1.000.000 đồng |               | Điểm b, Khoản 5, Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch số 122/2011/TT-LT-BTC-BTP |
| a        | Cấp tỉnh                                                                                                                 | đồng/ báo cáo    |                          | 1.000.000đồng |                                                                                |
| b        | Cấp huyện                                                                                                                | đồng/ báo cáo    |                          | 800.000đồng   |                                                                                |
| c        | Cấp xã                                                                                                                   | đồng/ báo cáo    |                          | 600.000đồng   |                                                                                |
| <b>7</b> | <b>Báo cáo tổng hợp, phân tích về công tác kiểm soát TTHC, công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định</b> | đồng/ báo cáo    | 3.000.000-5.000.000đồng  |               | Điểm c, Khoản 5, Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch số 122/2011/TT-LT-BTC-BTP |

|    |                                                                                                         |               |  |               |                                                                 |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--|---------------|-----------------------------------------------------------------|
|    | <b>hành chính</b>                                                                                       |               |  |               |                                                                 |
| a  | Cấp tỉnh                                                                                                | đồng/ báo cáo |  | 4.000.000đồng |                                                                 |
| b  | Cấp huyện                                                                                               | đồng/ báo cáo |  | 3.500.000đồng |                                                                 |
| c  | Cấp xã                                                                                                  | đồng/ báo cáo |  | 3.000.000đồng |                                                                 |
| 8  | Chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân cán bộ, công chức có thành tích trong hoạt động kiểm soát TTHC |               |  |               | Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ khen thưởng         |
| 9  | Chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm soát TTHC                                    |               |  |               | Theo quy định hiện hành về chế độ chi trả nhuận bút             |
| 10 | Chi mua sắm hàng hóa, dịch vụ                                                                           |               |  |               | Theo Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính |
| 11 | Chi tổ chức các cuộc thi liên quan đến công tác kiểm soát TTHC                                          |               |  |               | Theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 |
| 12 | Chi làm thêm giờ                                                                                        |               |  |               | Theo Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC                 |

|    |                                                                                                                                                                                           |                     |                       |            |                                                                                                                                          |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                                                                           |                     |                       |            | ngày<br>05/01/2005                                                                                                                       |
| 13 | Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính                                                                                                                    | đồng/ngày/<br>người | 15.000-20.000<br>đồng |            | Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ Tài chính                                                                             |
| a  | Cấp tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                       | đồng/ngày/<br>người |                       | 20.000đồng | Danh sách cán bộ, công chức làm công tác kiểm soát TTHC phải được UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt                                |
| b  | Cấp xã                                                                                                                                                                                    | đồng/ngày/<br>người |                       | 15.000đồng |                                                                                                                                          |
| 14 | Chi tổ chức hội nghị; chi các đoàn công tác kiểm soát, giám sát đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm soát TTHC, trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động kiểm soát TTHC ở trong nước |                     |                       |            | Thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh |
| 15 | Chi tổ chức các đoàn ra nước ngoài tìm hiểu nghiên cứu, học tập kinh nghiệm kiểm soát TTHC                                                                                                |                     |                       |            | Theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức đi công                                                             |

|    |                                                                                          |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                             |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                          |  |  |  | tác ngăn hạn<br>ở nước ngoài<br>của tỉnh                                                                                                                                                                                                    |
| 16 | Chi điều tra,<br>khảo sát về<br>công tác kiểm<br>soát thủ tục<br>hành chính              |  |  |  | Theo Thông<br>tư số<br>58/2011/TT-<br>BTC ngày<br>11/5/2011<br>của Bộ Tài<br>chính                                                                                                                                                          |
| 17 | Chi các đề tài<br>nghiên cứu<br>khoa học về<br>công tác kiểm<br>soát TTHC                |  |  |  | Theo quy<br>định của Bộ<br>Khoa học và<br>Công nghệ và<br>Bộ Tài chính<br>hướng dẫn<br>mức xây<br>dựng và phân<br>bổ dự toán<br>kinh phí đối<br>với các đề<br>tài, dự án<br>khoa học và<br>công nghệ có<br>sử dụng ngân<br>sách nhà<br>nước |
| 18 | Các nội dung<br>chi khác có<br>liên quan trực<br>tiếp đến hoạt<br>động kiểm soát<br>TTHC |  |  |  | Chỉ theo quy<br>định hiện<br>hành bảo<br>đảm có hóa<br>đơn, chứng<br>từ chi tiêu<br>hợp pháp                                                                                                                                                |

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng các văn bản mới thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó./.